

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM**  
-----

**LÊ THỊ MINH HOA**

**PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỢP TÁC CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ QUA HOẠT  
ĐỘNG GIÁO DỤC NGOÀI GIỜ LÊN LỚP**

*Chuyên ngành : Lý luận và lịch sử giáo dục  
Mã số: 62 14. 01. 02*

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC**

**Hà Nội, 2015**

## 1. Lý do chọn đề tài

Các nhà giáo dục đã nhận định rằng sự phát triển của xã hội đòi hỏi giáo dục phải có sự thay đổi toàn diện, giáo dục cần chuyển từ một nền giáo dục chủ yếu là truyền thụ tri thức sang phát triển phẩm chất và năng lực (NL) của người học. Giáo dục không chỉ đề cập đến các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà còn hướng tới NL hành động, trong đó đặc biệt chú ý đến năng lực hợp tác (NLHT), NL giải quyết vấn đề ở từng cá nhân trên cơ sở phát huy tối đa tiềm năng sẵn có trong mỗi con người. Giáo dục cần giúp học sinh (HS) có “NLHT, khả năng giao tiếp, NL chuyển đổi nghề nghiệp theo yêu cầu mới của thị trường lao động, NL quản lý, NL phát triển và giải quyết vấn đề tôn trọng và nghiêm túc tuân theo pháp luật, quan tâm và giải quyết các vấn đề bức xúc mang tính toàn cầu, có tư duy phê phán, có khả năng thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống

Lứa tuổi HS Trung học cơ sở (THCS) là lứa tuổi có những biến đổi lớn về tâm sinh lý. Cùng với hoạt động học tập, hoạt động giao tiếp cũng phát triển rất mạnh, các mối quan hệ được mở rộng, do đó sự phát triển của xã hội có tác động lớn đến lứa tuổi này. Trong hoạt động học tập cũng như các hoạt động giáo dục khác đòi hỏi HS phải có sự phối hợp, hợp tác với nhau nhằm thực hiện có hiệu quả các hoạt động. Tuy nhiên trong thực tế hiện nay khả năng hợp tác của HS nói chung và HS THCS nói riêng còn nhiều hạn chế. Do đó khi đứng trước những tình huống những vấn đề cần có sự hợp tác với nhau, các em tỏ ra rất lúng túng, không biết phải làm như thế nào.

Trong nhà trường THCS, việc phát triển NLHT cho HS được thực hiện thông qua các con đường khác nhau trong đó có con đường tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (HĐGDNGLL). HĐGDNGLL là một hoạt động quan trọng góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục giáo dục toàn diện cho HS. Do đó việc nghiên cứu phát triển NLHT cho HS THCS trong HĐGDNGLL nhằm góp phần giúp họ nâng cao khả năng hợp tác trong cuộc sống là việc làm cần thiết và có ý nghĩa trong việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu mới của xã hội.

Xuất phát từ những lý do trên, chúng tôi lựa chọn nghiên cứu: “ ***Phát triển năng lực hợp tác cho học sinh Trung học cơ sở qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp***” làm đề tài luận án.

## 2. Mục đích nghiên cứu

Xây dựng các biện pháp giáo dục nhằm phát triển NLHT cho HS THCS qua HĐGDNGLL.

### **3. Khách thể - Đối tượng nghiên cứu**

#### *3.1. Khách thể nghiên cứu*

Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp trong nhà trường THCS.

#### *3.2. Đối tượng nghiên cứu*

Mối quan hệ giữa cách thức tổ chức các HĐGDNGLL với việc phát triển NLHT cho HS THCS.

### **4. Giả thuyết khoa học**

Việc phát triển NLHT của HS THCS hiện nay còn nhiều hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu của xã hội do nhiều nguyên nhân khác nhau. Nếu các biện pháp giáo dục nhằm phát triển NLHT qua HĐGDNGLL gắn liền với các quan hệ hợp tác, tạo cơ hội cho HS chia sẻ và chịu trách nhiệm, trải nghiệm dưới nhiều hình thức và khuyến khích HS rèn luyện các kỹ năng cộng tác trong nhóm thì chúng sẽ có ảnh hưởng tích cực đến quá trình hoạt động và có tác dụng phát triển NLHT của HS.

### **5. Nhiệm vụ nghiên cứu**

5.1. Xây dựng cơ sở lý luận của việc phát triển NLHT cho HS THCS qua HĐGDNGLL.

5.2. Đánh giá thực trạng NLHT của HS và thực trạng phát triển NLHT cho HS THCS qua HĐGDNGLL.

5.3. Xây dựng các biện pháp giáo dục nhằm phát triển NLHT cho HS THCS qua HĐGDNGLL.

5.4. Thực nghiệm các biện pháp giáo dục nhằm phát triển NLHT cho HS THCS qua HĐGDNGLL.

### **6. Phạm vi nghiên cứu**

Các biện pháp giáo dục nhằm phát triển NLHT cho HS THCS qua HĐGDNGLL mà luận án xây dựng chủ yếu theo hướng đưa HS vào các hoạt động trải nghiệm trong thực tiễn.

Phạm vi khảo sát thực trạng NLHT và phát triển NLHT cho HS qua HĐGDNGLL được giới hạn ở 5 trường THCS tại Hải Phòng và Thái Bình.

Tiến hành thực nghiệm các biện pháp giáo dục nhằm phát triển NLHT cho HS trong HĐGDNGLL tại 2 trường THCS đại diện cho khu vực thành phố, thị trấn và khu vực nông thôn thuộc Thành phố Hải Phòng.

## **7. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

### **7.1. Phương pháp luận**

Để nghiên cứu phát triển NLHT cho HS THCS qua HĐGDNGLL, chúng tôi chủ yếu vận dụng các cách tiếp cận: Tiếp cận mục tiêu; Tiếp cận NL và tiếp cận hoạt động; Tiếp cận giá trị.

### **7.2. Phương pháp nghiên cứu**

7.2.1. Các phương pháp nghiên cứu lý luận

7.2.2. Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn

7.2.3. Phương pháp thống kê toán học

## **8. Luận điểm bảo vệ**

- Để phát triển NLHT cho HS THCS cần đặt HS vào môi trường đòi hỏi phải có sự hợp tác và sử dụng những kỹ năng cộng tác kèm theo những thái độ phù hợp với quan điểm hợp tác giúp các em có cơ hội trải nghiệm trong thực tiễn.

- Những hình thức tổ chức HĐGDNGLL truyền thống vẫn có thể được tổ chức được những hoạt động cụ thể nhằm phát triển NLHT cho HS THCS nếu nó tuân theo những chiến lược hợp tác.

## **9. Những đóng góp mới của luận án**

- Xây dựng được mô hình lý thuyết về khung NLHT và phát triển NLHT làm cơ sở lý luận cho việc xây dựng các biện pháp giáo dục phát triển NLHT cho HS THCS qua HĐGDNGLL.

- Kết quả nghiên cứu đã khẳng định được thực trạng NLHT của HS THCS và thực trạng phát triển NLHT cho HS THCS qua HĐGDNGLL còn nhiều hạn chế. Một trong những nguyên nhân của thực trạng này là do việc phát triển NLHT cho HS THCS chưa được quan tâm đúng mức, bản thân GV cũng chưa có những biện pháp cụ thể nhằm phát triển NLHT cho HS THCS qua HĐGDNGLL.

- Từ việc nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn, luận án đã xây dựng các biện pháp giáo dục nhằm phát triển NLHT cho HS THCS qua HĐGDNGLL theo hướng vận dụng lý thuyết học hợp tác, đưa HS vào các hình thức hoạt động khác nhau nhằm tạo cơ hội cho HS được trải nghiệm thực tiễn qua đó góp phần phát triển NLHT. Cụ thể là: Trang bị kiến thức, khuyến khích nhu cầu và giáo dục thái độ hợp tác cho HS; Tổ chức các trò chơi đòi hỏi HS phải có sự hợp tác với nhau; Sử dụng các tình huống giả định trong

HĐGDNGLL nhằm tạo ra môi trường giải quyết vấn đề theo hướng hợp tác; Tạo môi trường trải nghiệm thực tế cho HS qua các hoạt động xã hội theo nhóm; Tổ chức các câu lạc bộ theo hướng tăng cường sự hợp tác

- Khẳng định được tính khả thi của các biện pháp giáo dục nhằm phát triển NLHT cho HS qua HĐGDNGLL bằng thực nghiệm sư phạm.

## **10. Cấu trúc của luận án**

Ngoài phần mở đầu kết luận và kiến nghị, luận án được kết cấu thành 4 chương:

Chương 1. Cơ sở lý luận của việc phát triển năng lực hợp tác cho học sinh Trung học cơ sở qua HĐGDNGLL

Chương 2. Thực trạng phát triển năng lực hợp tác cho học sinh Trung học cơ sở qua HĐGDNGLL

Chương 3. Biện pháp giáo dục nhằm phát triển năng lực hợp tác cho học sinh Trung học cơ sở qua HĐGDNGLL

Chương 4. Thực nghiệm sư phạm

## **CHƯƠNG 1**

### **CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA VIỆC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỢP TÁC CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ QUA HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGOÀI GIỜ LÊN LỚP**

#### **1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề**

##### ***1.1.1. Nghiên cứu về hợp tác và NLHT của HS***

Vấn đề hợp tác của HS đã được nhiều tác giả nghiên cứu, đa số các tác giả đều cho rằng hợp tác là một yếu tố không thể thiếu trong cuộc sống xã hội, do đó cần phải rèn luyện kỹ năng hợp tác cho HS trong các hoạt động. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu chủ yếu phân tích vai trò của hợp tác và rèn luyện kỹ năng hợp tác trong quá trình dạy học. Nghiên cứu về NLHT của HS chưa được đề cập trực tiếp trong các công trình của các tác giả trong và ngoài nước.

##### ***1.1.2. Các nghiên cứu về phát triển NLHT cho HS qua HĐGDNGLL***

Các nghiên cứu về HĐGDNGLL đã được nhiều tác giả đi sâu nghiên cứu nhằm vào những mục đích khác nhau. Các nghiên cứu về HĐGDNGLL chưa chú trọng nhiều đến việc thực hiện mục tiêu giáo dục HS theo hướng phát triển NL của người học. Các nghiên cứu chủ yếu tập trung khai thác HĐGDNGLL như một con đường để rèn luyện các kỹ

năng, giáo dục HS về đạo đức, môi trường, giới tính... chưa đặt ra vấn đề cần phát triển NLHT cho HS qua HĐGDNGLL.

## **1.2. Các khái niệm cơ bản**

### **1.2.1. Năng lực**

Khái niệm năng lực được hiểu dưới nhiều cách tiếp cận khác nhau. Trong luận án, khái niệm NL được hiểu là *tổ hợp những hành động vật chất và tinh thần tương ứng với dạng hoạt động nhất định, đó là sự kết hợp một cách linh hoạt và có tổ chức kiến thức, kỹ năng, thái độ, tình cảm, giá trị, động cơ cá nhân, ... để thực hiện thành công các yêu cầu của hoạt động nhất định.*

### **1.2.2 Năng lực hợp tác**

NLHT là một dạng NL, cho phép cá nhân kết hợp một cách linh hoạt và có tổ chức giữa tri thức cần thiết cho sự hợp tác, kỹ năng và thái độ, giá trị, động cơ cá nhân nhằm đáp ứng hiệu quả yêu cầu của hoạt động hợp tác trong bối cảnh cụ thể. Trong đó mỗi cá nhân thể hiện sự tích cực, tự giác, sự tương tác và trách nhiệm cao trên cơ sở huy động những tri thức, kỹ năng của bản thân nhằm giải quyết có hiệu quả hoạt động hợp tác.

NLHT của HS THCS được cấu thành bởi tri thức, kỹ năng và thái độ giá trị hợp tác. Ngoài ra, NLHT còn bao gồm những điều kiện cần thiết khác (đặc điểm khí chất, tư chất vốn có, kinh nghiệm sống, các phẩm chất đạo đức... trong quá trình tham gia vào HĐGDNGLL) để thể hiện và tổ chức thực hiện kỹ năng đó trong một cơ cấu hoạt động thống nhất và theo một định hướng rõ ràng.

### **1.2.3. Phát triển năng lực hợp tác**

Trong luận án khái niệm *phát triển NLHT cho HS* được hiểu là *làm cho HS biến đổi theo hướng tăng cường, nâng cao cả về kiến thức, kỹ năng và thái độ, giá trị hợp tác giúp các em có khả năng thích ứng với cuộc sống tốt hơn, đáp ứng yêu cầu của xã hội.*

### **1.2.4. Khái niệm HĐGDNGLL**

HĐGDNGLL là hoạt động được tổ chức ngoài giờ học các môn văn hóa ở trên lớp, nhằm hình thành và phát triển nhân cách HS đáp ứng yêu cầu của xã hội.

## **1.3. Năng lực hợp tác của HS THCS**

### **1.3.1. Đặc điểm tâm sinh lý của HS THCS**

Các nhà Tâm lý học cho rằng, yếu tố đầu tiên và cơ bản nhất ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách của HS THCS là sự phát triển mạnh mẽ tính tích cực xã hội của chính bản

thân các em. Nhờ các yếu tố này mà các em lĩnh hội được các giá trị, các chuẩn mực xã hội, xây dựng được các mối quan hệ thỏa đáng với người lớn, bạn bè và cuối cùng hướng vào bản thân, hình thành nhân cách và thiết lập tương lai của mình với những ý tưởng thực hiện mục đích, nhiệm vụ....một cách độc lập. Từ những đặc điểm chung có thể khẳng định, lứa tuổi HS THCS là lứa tuổi có nhiều thuận lợi trong việc hình thành và phát triển các NL của bản thân, trong đó có NLHT.

### **1.3.2. Biểu hiện NLHT của HS THCS**

Từ việc nghiên cứu khái niệm, cấu trúc của NLHT, phát triển NLHT và xuất phát từ thực tiễn giáo dục ở trường THCS, chúng tôi xác định một số biểu hiện NLHT của HS THCS là:

- HS có tri thức về hoạt động hợp tác: nắm được các nguyên tắc hợp tác; biết cách hợp tác với nhau trong quá trình chuẩn bị và thực hiện hoạt động hợp tác.

- HS có những kỹ năng hợp tác: Biết lắng nghe ý kiến của người khác, chấp nhận ý kiến của người khác; Biết diễn đạt ý kiến của mình một cách rõ ràng, thuyết phục; Biết cảm thông, chia sẻ, trao đổi ý kiến, kinh nghiệm của mình với bạn; Biết cùng nhau tìm cách giải quyết mâu thuẫn; Biết chấp nhận sự phân công trong nhóm; Biết giúp đỡ, hỗ trợ người khác và yêu cầu sự giúp đỡ hay giải thích khi cần.

- Tự giác, tích cực, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ từ đơn giản đến phức tạp cùng người khác; Chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao các nhiệm vụ.

Thực tế cho thấy, không phải trong tất cả các hoạt động NLHT của HS THCS cũng có đầy đủ các biểu hiện trên mà cũng có thể chỉ một vài biểu hiện được thể hiện phù hợp với hoạt động cụ thể đó.

### **1.3.3. Ý nghĩa của sự hợp tác và phát triển NLHT cho HS THCS trong xã hội hiện nay**

Hợp tác là một giá trị sống cần hình thành và giáo dục ở HS. Trong chương trình Giá trị sống được nghiên cứu vào năm 1995, 186 thành viên trong tổ chức Liên hợp quốc đã chọn ra 12 giá trị sống cốt lõi nhất mang tính toàn cầu trong đó có giá trị hợp tác. Hợp tác là một yếu tố không thể thiếu trong cuộc sống. Về mặt xã hội, sự hợp tác diễn ra trong suốt cuộc đời con người, trong gia đình và trong cộng đồng. Với HS nói chung HS THCS nói riêng, việc phát triển NLHT có ý nghĩa rất lớn trong việc góp phần hình thành các phẩm chất mới của con người Việt Nam. Từ việc tìm hiểu ý nghĩa của sự hợp tác trong bối cảnh của sự hội nhập, có thể khẳng định hình thành và phát triển NLHT cho HS THCS là

một việc làm cần thiết. Phát triển NLHT cần được coi là một trong những nhiệm vụ của trường THCS nhằm góp phần giáo dục toàn diện cho HS đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực mới cho xã hội.

### **1.3.4. Cơ chế hình thành và phát triển NLHT cho HS THCS**

Sự phát triển NLHT cho HS qua HĐGDNGLL tuân theo quy luật chung đó là phải bắt đầu từ việc cung cấp tri thức, sau đó rèn luyện các kỹ năng, thái độ giá trị thông qua các hình thức hoạt động phong phú đa dạng. Nhờ vậy mà HS có thể biến những tri thức đã học thành kiến thức của bản thân và được kiểm chứng qua hoạt động thực tiễn. Vì vậy, để phát triển NLHT cho HS nói chung và NLHT cho HS THCS qua HĐGDNGLL cần trang bị cho HS hệ thống tri thức về hoạt động hợp tác, tổ chức cho họ rèn luyện các kỹ năng hoạt động hợp tác, thái độ hợp tác một cách thường xuyên theo mức độ từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp trên cơ sở những tri thức và kỹ năng, thái độ, kinh nghiệm đã có ở HS.

## **1.4. Phát triển NLHT cho HS THCS qua HĐGDNGLL**

### **1.4.1. Vai trò của HĐGDNGLL trong việc phát triển NLHT cho HS THCS**

*Thế mạnh của HĐGDNGLL trong việc phát triển NLHT cho HS thể hiện ở chỗ:*

HĐGDNGLL không giới hạn về không gian và thời gian hoạt động, phong phú về nội dung và đa dạng về hình thức tổ chức: HĐGDNGLL phát huy cao độ tính chủ thể, tính chủ động, tích cực của HS; HĐGDNGLL là điều kiện để củng cố và phát triển các mối quan hệ giữa giáo viên và HS, giữa HS với nhau, giữa HS với cộng đồng xã hội, phát triển các mối quan hệ xã hội, trên cơ sở đó phát triển ở HS NLHT làm việc cùng người khác góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện; Khi tham gia HĐGDNGLL, HS không bị áp lực về mặt điểm số như khi học các môn văn hóa, do đó tạo cho các em tư tưởng thoải mái, tự tin thể hiện hết khả năng của mình. Vì vậy mà HS có nhiều cơ hội để chia sẻ, học hỏi, giúp đỡ lẫn nhau.

### **1.4.2. Chương trình HĐGDNGLL ở trường THCS**

Mục tiêu của chương trình HĐGDNGLL nhằm giúp giúp HS củng cố, mở rộng và nâng cao hiểu biết của HS về các lĩnh vực của đời sống xã hội. Rèn luyện cho HS những kỹ năng cơ bản, rèn luyện hành vi thói quen tốt trong học tập, lao động. Đồng thời bồi dưỡng cho HS thái độ tích cực tham gia các hoạt động tập thể góp phần hình thành và phát triển cho HS những phẩm chất và NL chung. Mục tiêu đó được cụ thể hóa trong nội dung chương trình HĐGDNGLL với phần bắt buộc và phần khuyến khích. Các hình thức tổ



chức HĐGDNGLL ở trường THCS rất phong phú, đa dạng. Những hình thức tiêu biểu được sử dụng để tổ chức HĐGDNGLL ở trường THCS là: *Tổ chức CLB; Tổ chức thi; Tổ chức trò chơi; Tổ chức giao lưu.*

Các phương pháp tổ chức HĐGDNGLL được vận dụng từ các phương pháp giáo dục và dạy học. HĐGDNGLL rất phong phú đa dạng, do đó việc sử dụng các phương pháp cần đảm bảo sự linh hoạt, phối hợp với nhau nhằm mang lại hiệu quả hoạt động cao nhất. Dựa trên định hướng phát triển giáo dục theo hướng tiếp cận NL người học, việc tổ chức HĐGDNGLL cần được đổi mới theo hướng tăng cường các hoạt động trải nghiệm sáng tạo nhằm phát triển NL cho HS.

### **1.4.3. Nội dung phát triển NLHT cho HS THCS qua HĐGDNGLL**

Trên cơ sở cấu trúc chung của NLHT và những biểu hiện NLHT của HS THCS đã được trình bày ở trên, chúng tôi cho rằng, nội dung phát triển NLHT cho HS THCS qua HĐGDNGLL bao gồm:

- Bồi dưỡng và phát triển hệ thống tri thức về hoạt động hợp tác.
- Phát triển hệ thống kỹ năng hợp tác
- Phát triển ở HS giá trị, thái độ, tình cảm, động cơ đối với việc hợp tác.

Các nội dung trên có mối quan hệ chặt chẽ và được thực hiện đồng bộ trong quá trình HĐGDNGLL

### **1.4.4. Đánh giá NLHT qua HĐGDNGLL**

Việc đánh giá NLHT trong HĐGDNGLL được tiến hành theo cả hai hướng định lượng và định tính. Đánh giá NLHT của HS THCS có thể sử dụng một số công cụ đánh giá như: Đặt câu hỏi; đối thoại trong lớp học; đánh giá đồng đẳng và tự đánh giá; sử dụng thang NL; quan sát; xử lý tình huống; đánh giá qua sản phẩm...

## **1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc phát triển NLHT cho HS THCS qua HĐGDNGLL**

### **1.5.1. Yếu tố chủ quan**

Các yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến việc phát triển NLHT cho HS THCS qua HĐGDNGLL gồm : Đặc điểm sinh học ; ý thức cá nhân ; tính cách ; hứng thú ; tính tích cực, tự giác, sáng tạo trong hoạt động ; Khả năng nhận thức của HS ; Hệ thống những tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, kinh nghiệm đã có ở HS. Bên cạnh đó, các yếu tố chủ quan từ phía GV cũng có những ảnh hưởng đến việc phát triển NLHT cho HS.

### 1.5.2. Yếu tố khách quan

Các yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến việc phát triển NLHT cho HS THCS qua HĐGDNGLL gồm : Môi trường giáo dục trong nhà trường ; Gia đình ; Bạn bè.

Các yếu tố có sự tác động qua lại lẫn nhau cùng ảnh hưởng đến quá trình phát triển NLHT cho HS THCS. Do đó, khi xây dựng chương trình hoạt động, triển khai tổ chức các HĐGDNGLL cần chú ý đến sự tác động của tất cả các yếu tố nhằm phát huy những ảnh hưởng tốt, ngăn chặn nhưng ảnh hưởng không tốt đến việc phát triển NL nói chung và NLHT nói riêng cho HS THCS

#### **Kết luận chương 1.**

Trong xu thế phát triển của xã hội, giá trị của sự hợp tác, làm việc cùng nhau, tôn trọng và hiểu biết lẫn nhau ngày càng được đề cao. Vấn đề phát triển nguồn nhân lực mới đáp ứng yêu cầu của xã hội hiện đại đang đặt ra vấn đề phải đổi mới toàn diện giáo dục theo hướng phát triển NL người học trong đó có NLHT.

Lứa tuổi HS THCS là lứa tuổi có những biến đổi lớn về mặt tâm sinh lý, ở các em đã có đủ điều kiện chín muồi để hợp tác với người khác. Nhu cầu mở rộng các mối quan hệ ở lứa tuổi này đòi hỏi phải có sự hợp tác cao hơn, do đó phát triển NLHT cho các em là một việc làm cần thiết nhằm giúp họ thấy được sự cần thiết phải hợp tác cùng nhau, những kỹ năng cần thiết cho sự hợp tác. Đây là giai đoạn thuận lợi để phát triển NLHT cho các em đáp ứng yêu cầu xã hội.

Khái niệm NLHT được hiểu là *một dạng N, cho phép cá nhân kết hợp một cách linh hoạt và có tổ chức giữa tri thức cần thiết cho sự hợp tác, kỹ năng và thái độ, giá trị, động cơ cá nhân nhằm đáp ứng hiệu quả yêu cầu của hoạt động hợp tác trong bối cảnh cụ thể. Trong đó mỗi cá nhân thể hiện sự tích cực, tự giác, sự tương tác và trách nhiệm cao trên cơ sở huy động những tri thức, kỹ năng của bản thân nhằm giải quyết có hiệu quả hoạt động hợp tác.*

Nội dung phát triển NLHT cho HS THCS được xác định gồm 3 nội dung cơ bản:

Bồi dưỡng và phát triển hệ thống tri thức về hoạt động hợp tác; Phát triển hệ thống kỹ năng hợp tác; Phát triển ở HS giá trị, thái độ, tình cảm, động cơ đối với việc hợp tác. Việc phát triển NLHT cho HS THCS qua HĐGDNGLL chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố trong đó có những yếu tố chủ quan và yếu tố khách quan.

## CHƯƠNG 2

## THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỢP TÁC CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ QUA HĐGDNGLL

### 2.1. Khái quát chung về khảo sát thực trạng

**2.1.1.. Mục đích khảo sát :** nhằm thu thập thông tin để có cơ sở đánh giá thực trạng NLHT của HS và phát triển NLHT cho HS THCS qua HĐGDNGLL. Tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến thực trạng đó làm cơ sở xây dựng các biện pháp giáo dục nhằm phát triển NLHT cho HS THCS qua HĐGDNGLL.

#### 2.1.2. Nội dung khảo sát

- Thực trạng nhận thức của CBQL, GV và HS về NLHT và phát triển NLHT
- Thực trạng NLHT và phát triển NLHT cho HS THCS qua HĐGDNGLL.
- Nguyên nhân hạn chế việc phát triển NLHT cho HS qua HĐGDNGLL.

#### 2.1.3. Đối tượng khảo sát:

150 CBQL, GV và 925 HS tại 5 trường THCS thuộc Hải Phòng và Thái Bình.

**2.1.4. Phương pháp khảo sát:** Phương pháp chuyên gia và phương pháp nghiên cứu tài liệu; Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi; Phương pháp quan sát; Phỏng vấn

### 2.2. Kết quả khảo sát

#### 2.2.1. Thực trạng nhận thức của CBQL, GV về NLHT và phát triển NLHT cho HS THCS

##### 1.2.1.1. Nhận thức của GV và HS THCS về NLHT

Kết quả khảo sát nhận thức của GV và HS về các thành tố cấu trúc của NLHT của HS cho thấy: Đa số GV và HS đều thống nhất ý kiến cho rằng, NLHT được thể hiện ở cả ba tiêu chí tri thức về hợp tác, kỹ năng và thái độ hợp tác chiếm 46% trong tổng số ý kiến trả lời của GV và 55.8% ý kiến trả lời của HS. Số ý kiến cho rằng NLHT được biểu hiện ở các kỹ năng hợp tác được xếp thứ hai (chiếm 24% ở GV và 24.9% ở HS). Từ kết quả trên, có thể đi đến kết luận GV và HS THCS đã có những hiểu biết nhất định về NLHT, tuy nhiên nhận thức chưa đầy đủ. Đây là cơ sở quan trọng giúp chúng tôi đưa ra biện pháp nhằm nâng cao nhận thức về NLHT và phát triển NLHT cho HS.

##### 1.2.1.2. Nhận thức về sự cần thiết phát triển NLHT cho HS THCS

Kết quả trên cho thấy, đa số GV và HS đều đánh giá ở mức độ “Rất cần thiết” chiếm 73.3 % ở GV và 72.6 % ở HS. Phát triển NLHT là việc “cần thiết” được đánh giá ở

mức thứ hai với 22.7 % ở GV và 21.1 % ở HS. Không có ý kiến nào cho rằng sự phát triển NLHT là “không cần thiết” chiếm 0 %. Như vậy, đa số GV và HS đều nhận thức được sự cần thiết phải phát triển NLHT cho HS.

#### 2.2.2.2. Nhận thức của GV và HS về hiệu quả của HĐGDNGLL trong việc phát triển NLHT cho HS

Kết quả tổng hợp cho thấy, 84% GV và 61.4% HS chọn phương án “rất hiệu quả”, 13.3% GV và 32.2% HS chọn phương án “hiệu quả”; 2.7% GV và 5.8% HS chọn phương án “bình thường”; 0.6% HS và không có GV nào chọn phương án “không hiệu quả”. Từ kết quả khảo sát trên, chúng tôi khẳng định đa số GV và HS đã nhận thức được vai trò của HĐGDNGLL trong việc phát triển NLHT cho HS.

#### 2.2.2. Thực trạng NLHT và phát triển NLHT cho HS THCS qua HĐGDNGLL

##### 2.2.2.1. Đánh giá của GV, HS về mức độ biểu hiện NLHT của HS THCS

Kết quả khảo sát được thống kê ở bảng 2.4.

**Bảng 2.4. Đánh giá chung của GV và HS về mức độ NLHT của HS**

Mức độ đánh giá	GV		HS	
	SL	%	SL	%
Đa số HS có NL này ở mức độ thấp	15	10.0	12	1.3
Đa số HS có NL này ở mức độ trung bình	100	66.7	363	39.2
Đa số HS có NL này ở mức độ cao	25	16.7	514	55.6
Đa số HS có NL này ở mức độ rất cao	10	6.6	36	3.9

Kết quả bảng 2.4 cho thấy, đa số GV THCS cho rằng “đa số HS có NL này ở mức độ thấp” chiếm 56,7 % trong tổng số ý kiến trả lời. 26.7 % GV đánh giá “đa số HS có NL này ở mức độ trung bình”. Kết quả này có sự đảo ngược với tự đánh giá của HS, 66.4 % HS cho rằng “đa số HS có NL này ở mức độ trung bình”, 28.4% cho rằng “đa số HS có NL này ở mức độ thấp”. Nói tóm lại, phần lớn GV và HS đều cho rằng đa số HS THCS có NLHT nhưng không cao chỉ ở mức trung bình hoặc thấp. Kết quả này hoàn toàn phù hợp với nhận định ban đầu của tác giả và kết quả quan sát các biểu hiện NLHT của HS trong thực tế ở trường THCS.

##### 2.2.2.2. Tác động của HĐGDNGLL đến việc phát triển NLHT về mặt kỹ năng

HĐGDNGLL được xem là một con đường hữu hiệu trong việc phát triển những NL cốt lõi của HS trong đó có NLHT. Việc tham gia các HĐGDNGLL giúp HS có điều kiện thuận lợi để thể hiện sự hiểu biết và rèn những kỹ năng cần thiết cho sự hợp tác.

Để tìm hiểu thực trạng đánh giá của CBQL, GV và HS về mức độ tác động của HĐGDNGLL đến việc rèn các kỹ năng hợp tác của HS, chúng tôi đưa ra câu hỏi 10 (phụ lục)

*Bảng 2.6. Tác động của HĐGDNGLL đến việc phát triển NLHT về mặt KN*

ST T	Các kỹ năng HT	Mức độ tác động					
		GV		HS		Tổng	
		ĐTB	Thứ bậc	ĐTB	Thứ bậc	ĐTB	Thứ bậc
1	Kỹ năng tham gia công việc	3.10	9	3.17	5	3.13	6
2	Kỹ năng diễn đạt ý kiến mạch lạc, rõ ràng, thuyết phục	3.60	1	3.40	1	3.50	1
3	Kỹ năng lắng nghe, tóm tắt và đưa ra ý kiến nhận xét đúng đắn ý kiến của người khác	3.31	3	3.25	3	3.28	3
4	Kỹ năng trao đổi, thống nhất ý kiến hoặc chấp nhận ý kiến trái ngược	3.44	2	3.34	2	3.39	2
5	KN giúp đỡ, chia sẻ, hỗ trợ và yêu cầu sự giúp đỡ hay giải thích khi cần thiết	3.28	4	3.22	4	3.25	4
6	Kỹ năng bày tỏ sự ủng hộ	3.18	7	3.00	7	3.09	8
7	Kỹ năng khuyến khích động viên sự tham gia của các thành viên	3.24	5	3.16	6	3.20	5
8	Kỹ năng phản đối nhẹ nhàng, không chỉ trích	3.17	8	2.89	9	3.03	9
9	Kỹ năng kiềm chế bực tức	3.23	6	2.99	8	3.11	7
10	Kỹ năng đàm phán, xử lý mâu thuẫn bất đồng hợp lý, tế nhị	2.98	10	2.70	10	2.84	10

Kết quả bảng 2.6 cho thấy, đa số các ý kiến cho rằng, HĐGDNGLL có tác động rất lớn đến các biểu hiện về mặt kỹ năng của NLHT. Mức độ tác động của

HĐGDNGLL được đánh giá cụ thể như sau: Xếp thứ nhất là sự tác động của HĐGDNGLL đến việc rèn kỹ năng “diễn đạt ý kiến của mình mạch lạc, rõ ràng, thuyết phục”( ĐTB là 3.50), xếp thứ hai là kỹ năng “ trao đổi thống nhất ý kiến hoặc chấp nhận ý kiến trái ngược”(ĐTB là 3.39). “Kỹ năng lắng nghe, tóm tắt và đưa ra ý kiến nhận xét đúng đắn ý kiến của người khác” xếp thứ ba (ĐTB là 3.28), tiếp đó là kỹ năng “ KN giúp đỡ, chia sẻ, hỗ trợ và yêu cầu sự giúp đỡ hay giải thích khi cần thiết” (ĐTB là 3.25)... Điều đó chứng tỏ, CBQL, GV và HS đã nhận thức được vai trò của HĐGDNGLL đến việc phát triển NLHT cho HS là rất lớn. Tuy nhiên, kết quả khảo sát và quan sát thực tế cho thấy việc tổ chức các hoạt động nhằm phát triển NL này chưa thực sự được chú trọng. Nguyên nhân của việc này có thể xuất phát từ chỗ cả GV và HS đều chưa nhận thức được một cách đầy đủ vai trò của sự hợp tác cũng như chưa có biện pháp cụ thể nhằm phát triển NL này.

### 2.2.2.3. Thực trạng mức độ thực hiện việc phát triển NLHT cho HS qua HĐGDNGLL

Kết quả khảo sát được tổng hợp ở bảng 2.7.

**Bảng 2.7. Mức độ thực hiện phát triển NLHT qua HĐGDNGLL**

Mức độ thực hiện	GV		HS	
	SL	%	SL	%
Thường xuyên thực hiện phát triển NLHT cho HS qua HĐGDNGL	14	9.3	117	12.6
Đã thực hiện phát triển NLHT cho HS qua HĐGDNGL	105	70.0	480	51.9
Thỉnh thoảng có thực hiện việc phát triển NLHT cho HS qua HĐGDNGL	31	20.7	316	34.2
Chưa thực hiện việc phát triển NLHT cho HS qua HĐGDNGL	0	0	12	1.3

Kết quả tổng hợp cho thấy 70% GV và 51.9 % HS cho rằng “Đã thực hiện phát triển NLHT cho HS trong HĐGDNGLL”. Phương án “thỉnh thoảng có thực hiện...” chiếm 20.7% số ý kiến trả lời của GV và 34.2% số ý kiến của HS, việc thực hiện thường xuyên chiếm tỷ lệ thấp nhất chiếm tỷ lệ thấp trong các câu trả lời của cả GV và HS với 9.3% ở GV và 12.6% ở HS. Không có GV nào chọn phương án “chưa thực hiện...” và chỉ có 1.3% số lượng HS chọn phương án này. Câu hỏi này đặt ra với cả HS nhằm giúp chúng tôi thu thập thông tin để kiểm chứng việc thực hiện mục tiêu phát triển NLHT cho HS của GV.

### **2.2.3. Nguyên nhân hạn chế việc phát triển NLHT của HS THCS qua HĐGDNGLL**

Từ kết quả khảo sát ý kiến của CBQL, GV và HS về nguyên nhân hạn chế việc phát triển NLHT cho HS THCS kết hợp với thực tế quan sát, chúng tôi cho rằng: Việc phát triển NLHT của HS THCS còn hạn chế do nhiều nguyên nhân khác nhau nhưng chủ yếu xuất phát từ việc nhận thức của GV và HS về vai trò của sự HT chưa đầy đủ, chương trình HĐGDNGLL còn cứng nhắc, chưa phát huy được cao độ tính chủ động sáng tạo, chưa đáp ứng được nhu cầu mong muốn của HS, HS THCS đặc biệt là HS khu vực thành phố thị trấn ít có cơ hội trải nghiệm sự HT trong cuộc sống do đó các em thiếu kinh nghiệm HT trong hoạt động. Mặt khác, kinh nghiệm của GV trong việc tổ chức HĐGDNGLL theo hướng phát triển NL nói chung cho HS còn ít, GV chưa có những biện pháp cụ thể thiết thực nhằm phát triển NLHT cho HS. Do đó, khi xây dựng các biện pháp phát triển NLHT cho HS trong HĐGDNGLL cần tính đến cả yếu tố chủ quan và khách quan nhằm mang lại hiệu quả tối ưu.

### **Kết luận chương 2**

Từ kết quả khảo sát thực trạng NLHT và thực trạng phát triển NLHT cho HS THCS qua HĐGDNGLL, chúng tôi đi đến một số kết luận sau:

1. Trong thực tế, NLHT của HS THCS đang ở mức thấp. HS đã có những hiểu biết nhất định về vai trò của sự HT với người khác trong quá trình hoạt động nhằm mang lại hiệu quả tối ưu. Tuy nhiên, những tri thức về HT, kỹ năng và thái độ giá trị HT, chưa có sự ổn định, còn nhiều hạn chế. Với mức độ biểu hiện đó ở HS thì chưa đáp ứng được yêu cầu của việc phát triển NLHT qua HĐGDNGLL nói riêng và NLHT cho HS nói chung.

2. Các HĐGDNGLL chưa được tổ chức thường xuyên. Nội dung HĐGDNGLL chưa được đổi mới. Hình thức tổ chức các HĐGDNGLL còn nghèo nàn chưa thực sự hấp dẫn, lôi cuốn HS. Việc phát triển NLHT cho HS THCS qua HĐGDNGLL đã được thực hiện nhưng chưa được chú trọng do nhiều nguyên nhân khác nhau.

3. HĐGDNGLL là một hoạt động có những tác động lớn đến việc phát triển NLHT cho HS. Khi tham gia các HĐGDNGLL, HS sẽ có cơ hội, có những điều kiện thuận lợi để nâng cao nhận thức về vai trò của sự HT, rèn luyện những kỹ năng cần thiết cho sự HT. Đa số GV và HS đều nhận thấy thế mạnh của HĐGDNGLL trong việc phát triển NL nói chung và NLHT cho HS nói riêng. Tuy nhiên, việc khai thác những thế mạnh của HĐGDNGLL trong việc phát triển NLHT cho HS THCS chưa được chú trọng đúng mức.

4. Việc phát triển NLHT cho HS THCS qua HĐGDNGLL còn bị hạn chế bởi nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan. Trong đó có những nguyên nhân khách quan từ phía nhà trường và những nguyên nhân chủ quan từ phía HS và GV ảnh hưởng sâu sắc đến phát triển NLHT cho HS. Kết quả khảo sát, giúp chúng tôi có cơ sở thực tiễn để đề xuất các biện pháp phù hợp nhằm phát triển NLHT cho HS.

### CHƯƠNG 3

## BIỆN PHÁP GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỢP TÁC CHO HỌC SINH THCS QUA HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGOÀI GIỜ LÊN LỚP

### 3.1. Nguyên tắc đề xuất biện pháp

- Đảm bảo đáp ứng mục tiêu giáo dục
- Đảm bảo phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, vốn kinh nghiệm sống của HS
- Đảm bảo tính khả thi
- Đảm bảo tính kế thừa và phát triển

### 3.2. Các biện pháp giáo dục phát triển NLHT cho HS THCS qua HĐGDNGLL

Xuất phát từ kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn của việc phát triển NLHT cho HS THCS qua HĐGDNGLL, chúng tôi đề xuất 5 biện pháp giáo dục sau:

- *Trang bị kiến thức, khuyến khích nhu cầu và giáo dục thái độ hợp tác cho HS.*

Thành tố cốt lõi của NLHT là hệ thống những kỹ năng hợp tác. Quá trình rèn luyện một kỹ năng bao giờ cũng gắn liền với việc nắm vững hệ thống tri thức, kinh nghiệm thực hiện kỹ năng đó. Tri thức là điều kiện để hình thành và phát triển kỹ năng. Biện pháp này nhằm cung cấp, bổ sung, nâng cao và hoàn thiện hơn nữa những tri thức, kỹ năng về hợp tác, NLHT và phát triển NLHT cho HS qua HĐGDNGLL

- *Tổ chức các trò chơi đòi hỏi HS phải có sự hợp tác với nhau*

Việc thiết kế và tổ chức các trò chơi hợp tác trong HĐGDNGLL là một việc làm cần thiết giúp phát triển NLHT cho HS. Trong quá trình tham gia trò chơi cùng nhau giúp tăng cường khả năng giao tiếp giữa HS với nhau, giữa GV và HS, giúp các em thấy được tác dụng của việc phối hợp hoạt động, sự giúp đỡ, chia sẻ lẫn nhau cùng hướng tới mục đích chung, đạt thành tích cao trong trò chơi.

- *Sử dụng các tình huống giả định trong HĐGDNGLL nhằm tạo ra môi trường giải quyết vấn đề theo hướng hợp tác*



Mục đích của việc sử dụng các tình huống giả định trong HGDNGLL là tạo ra môi trường đòi hỏi HS phải có sự hợp tác với nhau để phân tích tình huống và thống nhất phương án giải quyết vấn đề. Thông qua các tình huống, HS được tiếp cận với những vấn đề thực của cuộc sống hàng ngày, được trải nghiệm thử trong các vấn đề, sự kiện, mâu thuẫn khác nhau, biết phân tích vấn đề để tìm giải pháp từ đó có thể lựa chọn một giải pháp tối ưu.

*- Tạo môi trường trải nghiệm thực tế cho HS qua các hoạt động xã hội theo nhóm*

Việc tổ chức các hoạt động xã hội theo nhóm, tạo môi trường thực tế, tạo cơ hội và điều kiện cho các em được trải nghiệm sự hợp tác trong các mối quan hệ với người khác, được tiếp xúc với người khác, với nhiều vấn đề của xã hội, tăng cường khả năng nhận thức, chấp nhận và thích ứng với các chuẩn mực xã hội, biến thành giá trị bản thân. Khi tham gia các hoạt động xã hội cùng nhau, HS có điều kiện rèn luyện các kỹ năng trong đó có kỹ năng tác, chung sức để thực hiện có hiệu quả một hoạt động cụ thể, góp phần phát triển NL nói chung và NLHT cho HS nói riêng.

*- Tổ chức các câu lạc bộ theo hướng tăng cường sự hợp tác*

Việc tổ chức cho HS THCS tham gia các CLB, HS có cơ hội phát huy khả năng vận dụng sáng tạo những kiến thức đã học vào đời sống thực tế, vào các hoạt động lao động, học tập, hoạt động xã hội, vào cuộc sống. Đồng thời, việc tham gia CLB giúp tinh thần hợp tác được thể hiện rõ, các thành viên cảm thấy an toàn để phát biểu ý kiến của mình và mọi vấn đề được thảo luận, trình bày, trao đổi cởi mở, lắng nghe lẫn nhau, chia sẻ khó khăn, học hỏi lẫn nhau....

### **Kết luận chương 3**

Trên cơ sở nghiên cứu cơ sở lý luận về phát triển NLHT, thực trạng NLHT và phát triển NLHT cho HS THCS qua HGDNGLL, chúng tôi đề xuất năm biện pháp giáo dục phát triển NLHT cho HS qua HGDNGLL, bao gồm: 1) Trang bị kiến thức, khuyến khích nhu cầu và giáo dục thái độ HT cho HS. 2) Tổ chức các trò chơi đòi hỏi HS phải có sự HT với nhau. 3) Sử dụng các tình huống giả định trong HGDNGLL nhằm tạo ra môi trường giải quyết vấn đề theo hướng hợp tác. 4) Tạo môi trường trải nghiệm thực tế cho HS qua các hoạt động xã hội theo nhóm. 5) Tổ chức các câu lạc bộ theo hướng tăng cường sự hợp tác.

Mỗi biện pháp giáo dục đều có mục đích, nội dung hình thức và cách thức thực hiện khác nhau nhưng đều hiện rõ sự đổi mới hình thức tổ chức HGDNGLL theo hướng tạo

cơ hội cho HS được trải nghiệm sự hợp tác trong các hình thức khác nhau của HĐGDNGLL, từ đó phát triển NLHT cho HS cả về kiến thức, kỹ năng và thái độ giá trị HT.

## **CHƯƠNG 4. THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM**

### ***4.1. Khái quát chung về thực nghiệm sư phạm***

#### ***4.1.1. Mục đích thực nghiệm.***

Tiến hành thực nghiệm sư phạm nhằm:

- Kiểm chứng tính khả thi của các biện pháp giáo dục phát triển NLHT cho HS THCS qua HĐGDNGLL luận án đã đề xuất.
- Khẳng định tác động tích cực của các biện pháp giáo dục đã đề xuất tới việc phát triển NLHT cho HS qua HĐGDNGLL.

#### ***4.1.2. Nội dung và đối tượng thực nghiệm***

##### ***4.1.2.1. Nội dung thực nghiệm***

Tác giả luận án đã đề xuất 5 biện pháp giáo dục nhằm phát triển NLHT cho HS THCS qua HĐGDNGLL, tuy nhiên do điều kiện, chúng tôi chỉ tiến hành TN các biện pháp: Trang bị kiến thức, khuyến khích nhu cầu và giáo dục thái độ hợp tác cho HS; Tổ chức các trò chơi đòi hỏi HS phải có sự hợp tác với nhau; Sử dụng các tình huống giả định trong HĐGDNGLL nhằm tạo ra môi trường giải quyết vấn đề theo hướng hợp tác; Tạo môi trường trải nghiệm thực tế cho HS qua các hoạt động xã hội theo nhóm.

##### ***4.1.2.2. Đối tượng thực nghiệm***

Các biện pháp giáo dục được thực nghiệm trên đối tượng là các nhóm HS ở 2 trường THCS đại diện cho khu vực thành phố, thị trấn và khu vực nông thôn:

##### ***4.1.2.3. Lực lượng tham gia và thời gian thực nghiệm***

- *Lực lượng tổ chức thực nghiệm*: Tác giả luận án và các cộng tác viên, bao gồm GV chủ nhiệm lớp ở THCS, Đoàn thanh niên địa phương và một số SV trường Đại học Hải Phòng

- *Thời gian tiến hành*: Từ tháng 3 đến tháng 10 năm 2014 và được chia làm hai giai đoạn.

##### ***4.1.3. Tiến trình thực nghiệm***

Chúng tôi tiến hành TN theo hai giai đoạn: Từ tháng 3 đến tháng 10 năm 2014 tại Trường THCS Thị trấn Núi Đồi huyện Kiến Thụy và Trường THCS xã Tam Đa huyện Vĩnh Bảo thuộc Thành phố Hải Phòng.

Tiến hành TN tác động sư phạm. Việc tác động sư phạm với một số biện pháp giáo dục nhằm phát triển NLHT cho HS trong HĐGDNGLL đã xây dựng được tiến hành ở lớp TN, còn lớp đối chứng (ĐC) vẫn thực hiện như cũ.

#### **4.1.4. Tiêu chí và công cụ đánh giá**

Trên cơ sở nội dung phát triển NLHT cho HS THCS qua HĐGDNGLL đã được xác định. Xuất phát từ mục đích của thực nghiệm là chứng minh các biện pháp giáo dục nhằm phát triển NLHT qua HĐGDNGLL đã xây dựng có tác dụng tích cực đối với việc phát triển ở HS tri thức về hợp tác, kỹ năng và thái độ giá trị hợp tác góp phần phát triển NLHT. Do đó, việc đánh giá cũng giới hạn ở mục đích nhằm chứng minh có sự tiến bộ về kiến thức, kỹ năng và thái độ giá trị hợp tác của HS sau khi tác động sư phạm. Hiệu quả của các biện pháp giáo dục nhằm phát triển NLHT cho HS THCS qua HĐGDNGLL được đánh giá cả về mặt định tính và định lượng với các công cụ chủ yếu sau: Đánh giá qua phiếu hỏi; Đánh giá qua quan sát sự phát triển NLHT của HS; Nghiên cứu sản phẩm; Đàm thoại, phỏng vấn sâu.

## **4.2. Phân tích kết quả thực nghiệm.**

### ***4.2.1. Kết quả TN qua tự đánh giá mức độ phát triển NLHT của HS***

#### ***\* Đầu vào TN***

Các biểu hiện NLHT của các nhóm TN và ĐC là tương đương nhau. Kết quả này chứng tỏ sự chênh lệch này là không có ý nghĩa về mặt thống kê toán học, chênh lệch của hai nhóm xảy ra do ngẫu nhiên và không có sự khác biệt ý nghĩa giữa mức độ biểu hiện NLHT của HS trong các nhóm TN và ĐC. Vì vậy, sau khi tiến hành TN tác động nếu các nhóm TN có sự khác biệt thì sự khác biệt đó là do các biện pháp tác động tạo ra chứ không phải là có từ trước trong bản thân các nhóm TN và ĐC.

#### ***\* Đầu ra TN***

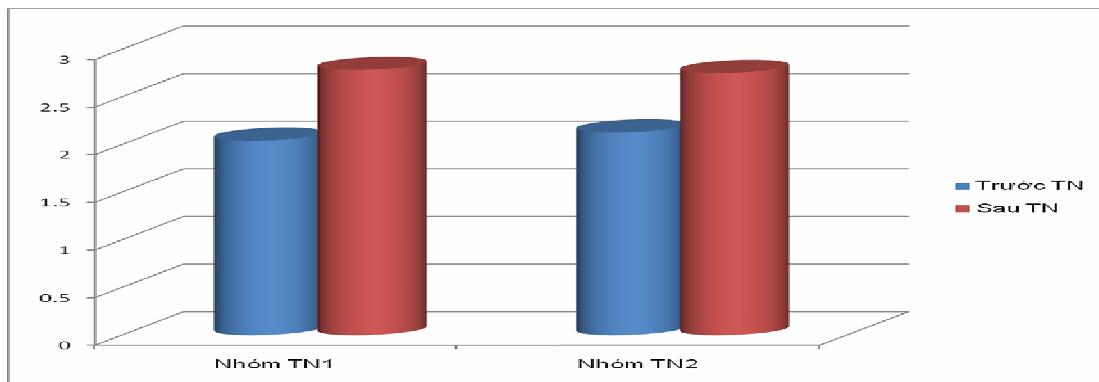
### **Kết quả trước và sau TN của nhóm ĐC**

Kết quả tổng hợp trước và sau TN của 2 nhóm ĐC1 và ĐC2 cho thấy có sự thay đổi nhưng không nhiều và có sự khác nhau giữa nhóm ĐC của đại diện hai khu vực. Ở nhóm ĐC 2, mức độ biểu hiện NLHT có chiều hướng tăng lên nhưng không đáng kể, ĐTB tăng

từ 1.911 lên 1.915. ĐTB của nhóm ĐC1 có giảm đi từ 1.948 xuống 1.932. Về mức độ chung của các nhóm không có sự thay đổi vẫn ở mức độ 2 (mức trung bình). Kiểm định T-test phụ thuộc theo cặp nhằm xem xét sự khác biệt giá trị trung bình của cùng một nhóm ĐC trước và sau TN có ý nghĩa hay không, kết quả cho thấy  $p = 0.489 > 0.05$  (đối với nhóm ĐC1 trước và sau TN) và  $p = 0.482 > 0.05$  (đối với nhóm ĐC2 trước và sau TN). Như vậy, kết quả cho thấy nhóm ĐC2 so với nhóm ĐC1 có sự chênh lệch trước và sau TN nhưng không nhiều. Kết quả trên cũng cho thấy, không có sự khác biệt có ý nghĩa giữa ĐTB của cả hai nhóm ĐC trước và sau TN, điều đó cũng chứng tỏ rằng kết quả này là do xảy ra một cách ngẫu nhiên.

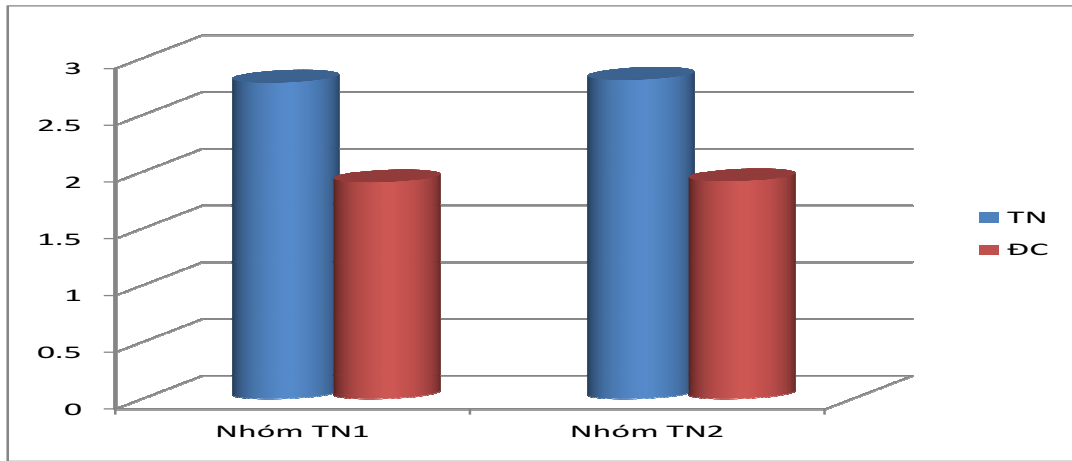
### **Kết quả trước và sau TN của nhóm TN**

Kết quả tự đánh giá của HS nhóm TN trước và sau TN được tổng hợp ở bảng 4.7 và biểu diễn trên biểu đồ 4.3.



**Biểu đồ 4.3. So sánh NLHL của HS nhóm TN trước và sau TN**

Kết quả tổng hợp cho thấy, đã có sự thay đổi lớn ở tất cả các biểu hiện NLHT của HS cả hai nhóm TN1 và TN2. Mức độ biểu hiện về mặt nhận thức, thái độ và kỹ năng hợp tác của HS đều có sự tiến bộ vượt bậc so với trước TN. Một số biểu hiện có sự thay đổi lớn như những biểu hiện thứ 3;5;6;8;9;11;12... Điều đó chứng tỏ, sau tác động, HS các nhóm TN đã nhận thức đầy đủ hơn, sâu sắc hơn về giá trị của sự hợp tác, những kiến thức cần thiết cho sự hợp tác, các em đã chủ động tích cực hơn khi HT cùng người khác trong hoạt động chung. Kết quả kiểm định T-test phụ thuộc theo cặp để xác định sự khác biệt giữa các biểu hiện NLHT của HS hai nhóm TN trước và sau TN cho kết quả  $p = 0.000 < 0.05$  (đối với cả hai nhóm TN1 và TN2) đã khẳng định có sự khác biệt có ý nghĩa giữa mức độ của các biểu hiện trước và sau TN.



**Biểu đồ 4.4. So sánh nhóm TN và ĐC sau TN**

Kết quả tổng hợp cho thấy, sau khi tiến hành TN ĐTB của cả hai nhóm TN và ĐC đều tăng lên so với kết quả đầu vào TN, tuy nhiên có sự khác biệt lớn giữa nhóm TN và nhóm ĐC. Nhóm TN tăng nhiều hơn, cụ thể là: Các biểu hiện về mặt nhận thức của lớp TN sau TN tác động đều tăng từ mức độ 2 lên mức độ 3 với ĐTB rất cao. Chúng tôi tiến hành kiểm chứng mức độ ảnh hưởng của các tác động bằng phép kiểm định T- test độc lập, kết quả thu được  $p_{TN1} = 0.000$ ;  $p_{TN2} = 0.000$ . Với giá trị p của cả hai nhóm TN1 và TN2 đều  $< 0.05$ , có thể kết luận là chênh lệch ĐTB giữa hai nhóm TN và hai nhóm ĐC sau TN là có ý nghĩa. Sự thay đổi này là do sự tác động của các biện pháp được sử dụng chứ không phải xảy ra do ngẫu nhiên.

#### **4.2.1.2. Kết quả TN qua quan sát, đánh giá sự phát triển NLHT của HS**

Việc quan sát, đánh giá được tác giả luận án và nhóm cộng tác viên tiến hành theo các tiêu chí nêu ở bảng 4.4. Đối tượng quan sát, đánh giá gồm cả HS nhóm TN và nhóm ĐC của hai trường TN. Quan sát, đánh giá được thực hiện trong tất cả các hoạt động TN và trong suốt thời gian TN. Kết quả quan sát ở hai nhóm TN1 và TN2 cho thấy đa số HS được đánh giá ở mức đạt và tốt chiếm tỷ lệ cao (trung bình trên 95% cho các kỹ năng), trong đó số ý kiến đánh giá HS đạt mức tốt tương đối nhiều (dao động từ 28.57 đến 54.28 %). Có sự khác biệt giữa HS nhóm TN1 và TN2 về số lượng ý kiến đánh giá ở mức độ chưa tốt, tỷ lệ HS nhóm TN1 được đánh giá chưa đạt cao hơn so với nhóm TN2, dao động từ 0 % đến 11.42 % ở nhóm TN1 và từ 0% đến 5,71 % ở nhóm TN2. Mặc dù, một số HS hai nhóm TN vẫn được đánh giá là chưa đạt nhưng kết quả trên cũng khẳng định các tác động của thực nghiệm sư phạm là rất cao, có sự thay đổi rõ rệt về mức độ biểu hiện kỹ năng HT ở nhóm TN so với nhóm ĐC.

### **\* Đánh giá chung mức độ phát triển NLHT của HS sau TN**

Sau thực nghiệm có sự thay đổi lớn về các mặt nhận thức, kỹ năng, thái độ giá trị hợp tác của HS cả hai nhóm TN. Cụ thể là:

- Về nhận thức : Đa số HS đã nhận thức đầy đủ hơn về hoạt động hợp tác, biết cách hợp tác cùng người khác nhằm đạt hiệu quả cao trong HĐGDNGLL, tuy nhiên một số HS còn tỏ ra lúng túng khi vận dụng kiến thức vào trong các hoạt động cụ thể.

- Về thái độ, giá trị hợp tác: Quan sát quá trình tham gia HĐGDNGLL của HS hai nhóm TN cho thấy, đa số các em đã chủ động, tích cực hợp tác với bạn, tự tin hơn khi bày tỏ ý kiến của mình, các em vui vẻ tham gia công việc cùng người khác và nghiêm túc thực hiện các hoạt động được giao dẫn đến kết quả HĐGDNGLL của cả nhóm TN1 và TN2 đều cao hơn so với hai nhóm ĐC1 và ĐC2.

- Về kỹ năng hợp tác: Kết quả TN cho thấy, các biểu hiện NLHT của HS THCS qua HĐGDNGLL về mặt kỹ năng hợp tác đều được đánh giá ở mức cao hơn nhiều so với đầu vào thực nghiệm.

Tóm lại, từ sự thay đổi tích cực các thành tố cấu trúc của NLHT của HS THCS sau TN tác động, có thể khẳng định: Các biện pháp giáo dục nhằm phát triển NLHT cho HS THCS qua HĐGDNGLL theo hướng đưa HS vào các hoạt động trải nghiệm đã có tác dụng tích cực trong việc phát triển NLHT cho HS. Điều này cũng chứng minh tính đúng đắn của giả thuyết khoa học mà chúng tôi đã đề xuất.

### **Kết luận chương 4**

Trên cơ sở các biện pháp giáo dục đã xây dựng, chúng tôi tiến hành thực nghiệm sư phạm tại hai trường THCS đại diện cho khu vực thành phố, thị trấn và khu vực nông thôn. Từ kết quả thực nghiệm, chúng tôi đi đến kết luận:

Kết quả thực nghiệm bước đầu khẳng định, các biện pháp giáo dục đã có tác động tích cực đến việc phát triển các thành tố cấu trúc của NLHT cho HS. Kết quả tự đánh giá các biểu hiện của HS nhóm TN đều cao hơn nhóm ĐC và cao hơn nhiều so với kết quả đầu vào thực nghiệm. Trước TN, mức độ biểu hiện NLHT của HS cả hai nhóm TN và ĐC tương đương nhau và đều ở mức 1 và 2. Sau TN, ở nhóm ĐC không có sự thay đổi nhiều về ĐTB các biểu hiện và vẫn giữ ở mức 1 hoặc 2. Ở nhóm TN, ĐTB tăng nhiều so với trước TN và đều đạt mức độ 3 theo tự đánh giá của HS. Kết quả quan sát các biểu hiện

NLHT HS cũng cho thấy, HS ở nhóm TN các biểu hiện NLHT được cải thiện rõ về cả nhận thức, kỹ năng và thái độ giá trị.

Kết quả TN đã thể hiện một cách khách quan tính khả thi của các biện pháp giáo dục nhằm phát triển NLHT cho HS THCS qua HGDNGLL mà tác giả luận án đã xây dựng.

## **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

### **1. KẾT LUẬN**

1.1. NLHT là một trong những NL cốt lõi cần thiết của con người trong xã hội hiện đại. Việc phát triển NLHT là một việc cần thiết góp phần phát triển con người phù hợp với yêu cầu của thời đại. Lứa tuổi HS THCS là lứa tuổi có những chuyển biến về mọi mặt, các em đang hướng tới các mối quan hệ xã hội đa dạng, do đó việc phát triển NLHT có rất nhiều thuận lợi. NLHT được coi là một trong những giá trị sống cần được giáo dục cho HS THCS nhằm góp phần giáo dục toàn diện HS đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực mới cho xã hội.

1.2. Trong nhà trường THCS, việc phát triển NLHT cho HS được thực hiện thông qua các con đường khác nhau trong đó có con đường tổ chức các HGDNGLL. HGDNGLL có thể mạnh lớn trong việc phát triển NLHT, vì vậy cần phải coi đó là một con đường, một phương tiện để thực hiện việc phát triển NLHT cho HS THCS.

1.3. Trong luận án, cấu trúc khung NLHT được xác định bao gồm hệ thống tri thức về hợp tác, kỹ năng hợp tác và thái độ, giá trị hợp tác. Trên cơ sở cấu trúc của NLHT, nội dung phát triển NLHT cho HS THCS được xác định là: Bồi dưỡng và phát triển hệ thống tri thức về hoạt động hợp tác; Phát triển hệ thống kỹ năng hợp tác cho HS; Phát triển ở HS giá trị, thái độ, tình cảm, động cơ đối với việc hợp tác, giúp họ thấy được sự cần thiết phải hợp tác với nhau, nâng cao trách nhiệm cá nhân trong quá trình thực hiện hoạt động làm cơ sở giúp họ tích cực, tự nguyện hợp tác với nhau cùng thực hiện công việc chung và trong cuộc sống.

1.4. Trong thực tế, NLHT của HS THCS còn rất nhiều hạn chế, các em đã có những hiểu biết nhất định về vai trò của sự hợp tác, cách thức hợp tác, các kỹ năng hợp tác, tuy nhiên sự hiểu biết đó chưa đầy đủ và chính xác, các kỹ năng hợp tác chưa được thể hiện một cách thường xuyên và ổn định. Đa số CBQL, GV THCS nhận thức đúng đắn tầm quan trọng của việc phát triển NLHT cho HS nói chung và phát triển NLHT qua HGDNGLL nói riêng. Tuy nhiên, trong thực tế việc phát triển NLHT cho HS còn nhiều

hạn chế và chưa được chú trọng do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó có những nguyên nhân xuất phát từ chương trình HGDNGLL, từ việc bản thân HS chưa chủ động, tích cực hợp tác với nhau trong hoạt động và GV THCS chưa tìm ra những biện pháp cụ thể để phát triển NLHT cho HS.

1.5. Xuất phát từ cơ sở lý luận và thực tiễn, luận án đã xây dựng năm biện pháp giáo dục nhằm phát triển NLHT cho HS THCS qua HGDNGLL theo hướng vận dụng lý thuyết học hợp tác và lý thuyết giáo dục giá trị đưa HS vào các hình thức hoạt động khác nhau nhằm tạo cơ hội cho HS được trải nghiệm thực tiễn qua đó góp phần phát triển NLHT. Tính khả thi của các biện pháp giáo dục đã được khẳng định qua thực nghiệm sư phạm.

## **2. KIẾN NGHỊ**

Từ kết quả nghiên cứu, tác giả luận án đề xuất một số kiến nghị như sau:

### **2.1. Với các cấp quản lý**

Khi xây dựng chương trình, các cấp quản lý cần đổi mới chương trình HGDNGLL theo hướng tăng cường, bồi dưỡng, phát triển NL cho HS trong đó có NLHT đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục theo hướng tiếp cận NL người học.

Nội dung của chương trình HGDNGLL cần được điều chỉnh theo hướng tăng cường các hoạt động do HS tự chọn đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của HS THCS. Việc tăng cường các hoạt động tự chọn tạo cơ hội hợp tác chặt chẽ với nhau trong việc lựa chọn, thiết kế và thực hiện chương trình hoạt động góp phần thực hiện mục tiêu đổi mới giáo dục theo hướng phát triển NL của HS trong đó có NL sống và làm việc cùng người khác.

Về hình thức tổ chức HGDNGLL: Cần tăng cường tổ chức các hoạt động theo hướng tạo cơ hội cho HS được trải nghiệm thực tiễn qua đó giúp HS phát triển NLHT.

### **2.1. Với các trường sư phạm**

Các trường sư phạm cần xây dựng chương trình và tổ chức rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên cho sinh viên, trong đó chú ý tăng cường rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng thiết kế và tổ chức các HGDNGLL theo định hướng phát triển NL cho người học.

Trong quá trình đào tạo cần tăng cường các sinh hoạt chuyên đề, tạo cơ hội cho sinh viên được tham gia các hoạt động tập thể, trong đó thể hiện tinh thần hợp tác làm việc cùng người khác, giúp các em được trải nghiệm trong thực tiễn. Đây là điều kiện giúp sinh viên rút ra những bài học kinh nghiệm và trong tương lai các em có thể vận dụng vào tổ



chức các hoạt động giáo dục ở trường trường phổ thông nhằm phát triển NLHT nói chung và NLHT qua HĐGDNGLL cho HS nói riêng.

### **2.3. Với các trường THCS**

Các trường THCS cần có sự quan tâm hơn đến việc thực hiện mục tiêu phát triển NL cho HS qua HĐGDNGLL trong đó có NLHT làm việc cùng người khác.

Tổ chức bồi dưỡng thường xuyên cho GV về nội dung, phương pháp tổ chức, cách đánh giá HĐGDNGLL cho HS THCS theo hướng phát triển NL nói chung và NLHT cho HS nói riêng.

### **2.4. Với giáo viên THCS**

Giáo viên THCS cần nhận thức đúng đắn hơn về tầm quan trọng của sự hợp tác và phát triển NLHT cho HS. Nhận thấy được thế mạnh của HĐGDNGLL trong việc phát triển NLHT cho HS THCS, trên cơ sở đó có nghiên cứu, tìm tòi những nội dung, hình thức tổ chức HĐGDNGLL phù hợp nhằm mang lại hiệu quả cao trong việc phát triển NLHT cho HS. Giáo viên chủ nhiệm ở THCS cần chủ động phối hợp với Ban giám hiệu, các tổ chức trong và ngoài nhà trường để thực hiện tốt các HĐGDNGLL, tạo cơ hội cho HS được trải nghiệm trong thực tiễn.

### **2.5. Với học sinh THCS**

HS THCS cần nhận thức rõ tầm quan trọng của sự hợp tác và NLHT trong cuộc sống hiện đại. Trên cơ sở đó, tích cực, chủ động rèn luyện các kỹ năng hợp tác trong các hoạt động giáo dục nhằm phát triển NLHT nói chung đáp ứng yêu cầu của xã hội.